

Số: 01/TB-BCĐ

Đại Phúc, ngày 10 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 07/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập các hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, người lao động có thu nhập thấp giai đoạn 2022 – 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Thực hiện Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 09/9/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 10/9/2025 của UBND xã về kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã Đại Phúc

Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 xã Đại Phúc thông báo niêm yết kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo năm 2026 cụ thể như sau:

- 1) Số hộ nghèo rà soát năm 2025 là: 106 hộ với 292 khẩu
- 2) Số hộ cận nghèo rà soát năm 2025 là: 221 hộ với 650 khẩu

(Có danh sách chi tiết biểu 01, biểu 02 kèm theo)

Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Đại Phúc niêm yết công khai các danh sách này tại các nhà văn hoá xóm và trụ sở UBND cấp xã; thông qua hệ thống loa truyền thanh trong thời gian 03 ngày làm việc.

Thời gian niêm yết từ ngày 10/12/2025 đến hết ngày 12/12/2025.

Trong thời gian niêm yết công khai nếu có khiếu nại của người dân. BCD xã sẽ tổ chức phúc tra theo đúng quy trình trong thời gian không quá 7 ngày làm việc.

Hết thời hạn niêm yết công khai, Ban chỉ đạo rà soát nghèo Báo cáo Chủ tịch UBND xã và tiến hành các bước tiếp theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Chi cục KTHT&PTNT tỉnh;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Các xóm trên địa bàn;
- Lưu VT. BCD

**TM. BCD RÀ SOÁT NGHÈO
TRƯỞNG BAN**

**Phó chủ tịch UBND xã
Lê Khương Duy**

Biểu 01**NIÊM YẾT DANH SÁCH HỘ NGHÈO**

(Kèm theo Thông báo số: 01/TB-BCĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 của BCĐ rà soát hộ nghèo năm 2025 xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên)

TT hộ	Họ và tên chủ hộ và các thành viên trong hộ	Tổng số nhân khẩu	Địa chỉ (xóm)	Năm sinh
1	Nguyễn Văn Tài	3	An Long	1993
2	Lưu Thị Thương	4	An Long	1987
3	Dương Thị Hương	2	An Long	1983
4	Vương Hà Toàn	5	Cầu Thành 1	1986
5	Trịnh Huyền Trang	2	Cầu Thành 1	2005
6	Đinh Thị Xuân	1	Cầu Thành 1	1972
7	Bùi Thị Mai	4	Cầu Thành 2	1949
8	Bùi Đức Long	2	Cầu Thành 2	1961
9	Nguyễn Văn Bình	2	Cầu Thành 2	1952
10	Nguyễn Thị Huyền	5	Đồng Cả	1968
11	Trương Văn Tiến	1	Đồng Cả	1978
12	Phạm Thị Thoa	6	Đồng Cả	1961
13	Chu Thị Năm	1	Đồng Trũng	1950
14	Nguyễn Thị Thìn	2	Đồng Trũng	1952
15	Nguyễn Thị Liên	5	Gò Vầu	1948
16	Lê Hữu Tuất	6	Gò Vầu	1958
17	Đỗ Thị Lụa	1	Hợp Thành	1965
18	Nguyễn Thị Độ	5	Hợp Thành	1934
19	Nguyễn Thị Khánh	1	Phú Thịnh	1952
20	Lý Thị Tâm	2	Phú Thịnh	1986
21	Ngô Ngọc Hải	4	Bàn Cờ	1973
22	Đàm Ngọc Trung	4	Bàn Cờ	1984
23	Nguyễn Thị Lịch	4	Bàn Cờ	1940
24	Lê Đỗ Phương Thúy	3	Bàn Cờ	1983
25	Lê Thị Lan	1	Bàn Cờ	1975
26	Lê Thị Thơm	5	Bàn Cờ	1983

27	Phạm Hồng Thái	3	Cầu Thông	1940
28	Trần Thị Yến	2	Cầu Thông	1932
29	Hoàng Thị Diễm	3	Chợ 2	1933
30	Phạm Thị Hiền	1	Chợ 2	1953
31	Nguyễn Thị Cảnh	5	xóm Đình	1961
32	Hoàng Thị Nga	1	xóm Đình	1949
33	Nguyễn Văn Chinh	6	Hàm Rồng	1961
34	Đông Thị Hạ	3	Hàm Rồng	1956
35	Đỗ Thị Mến	2	Hàm Rồng	1959
36	Nguyễn Thị Hồng Vân	2	Sơn Tập	1956
37	Đào Ngọc Long	1	Sơn Tập	1976
38	Đặng Xuân Hồng	1	Tân Sơn	1957
39	Nguyễn Văn Phú	2	Trung Hòa	1950
40	Nông Văn Minh	3	Vân Long	1962
41	Hoàng Thị Tú	1	Vân Long	1935
42	Trần Thị Hà	5	Xuân Đài	1980
43	Nguyễn Thị Cúc	5	Xuân Đài	1942
44	Trần Thị Đào	3	Xuân Đài	1968
45	Lương Thị Dung	3	Khuôn Năm	1984
46	Phan Thị Thân	1	Cây Sy	1954
47	Trần Thị Sợi	1	Cao Trãng	1944
48	Hoàng Thị Yến	2	Cây Thị	1984
49	Dương Văn Dậu	3	Cây Thị	1970
50	Nguyễn Thị Dân	2	Trung Tâm	1939
51	Vũ Thị Phú	4	Đông Lạnh	1960
52	Phùng Văn Hồng	2	Xóm Giữa	1948
53	Nguyễn Thị Vân	2	Nhà Thờ 2	1947
54	Đỗ Văn Trường	3	Nhà Thờ 2	1990
55	Vũ Thị Thính	1	Bãi Bằng	1952
56	Nguyễn Thị Lưu	2	Bãi Bằng	1989
57	Lê Văn Huy	4	Dốc Đỏ	1984
58	Trương Thị Lưu	1	Dốc Đỏ	1968
59	Vũ Văn Tuyên	5	Đông Tiến	1956
60	Phạm Văn Ninh	1	Đông Tiến	1988
61	Nguyễn Văn Cẩn	7	Đông Thái	1963
62	Vũ Văn Bấy	9	Đông Thái	1965
63	Nguyễn Văn Vinh	4	Đông Thái	1984

64	Đặng Văn Anh	1	Gốc Mít	1992
65	Hoàng Thị Hương	1	Gốc Mít	1956
66	Trần Thị Hoa	2	Gốc Mít	1951
67	Nguyễn Ngọc Trúc	6	Suối Cái	1964
68	Nguyễn Văn Công	5	Suối Cái	1990
69	Đặng Văn Thanh	1	Tân Lập	1985
70	Lý Thị Tám	4	Tân Lập	1984
71	Dương Thị Hạnh	1	Thái Sơn	1961
72	Vũ Thị Nhò	3	Xóm 2	1955
73	Nguyễn Thị Hót	1	Xóm 2	1958
74	Trần Thị Tới	3	Xóm 2	1980
75	Lê Thị Thú	1	Xóm 3	1951
76	Nguyễn Văn Ngọc	2	Xóm 3	1987
77	Dương Thị Bích	2	Xóm 3	1943
78	Trần Đình Gụ	4	Xóm 6	1948
79	Nguyễn Văn Minh	4	Xóm 6	1963
80	Trần Văn Thăng	4	Xóm 6	1976
81	Lê Thị Bắc	3	Xóm 6	1968
82	Lê Thị Vinh	1	Xóm 6	1952
83	Nguyễn Thị Thịnh	2	Xóm 7	1978
84	Trần Thị Sơn	2	Xóm 7	1959
85	Trần Ngọc Dương	5	Xóm 7	1975
86	Trần Văn Tuyển	1	Xóm 8	1968
87	Lưu Hơ Liêm	5	Xóm 8	1986
88	Mai Thị Lê	1	Xóm 8	1957
89	Hoàng Thị Sinh	2	Xóm 9	1942
90	Lê Văn Ngạn	2	Xóm 9	1933
91	Trần Thị Ngộ	1	Xóm 10	1966
92	Lương Văn Ngọc	4	Xóm 10	1954
93	Trần Thị Vân	1	Xóm 10	1950
94	Trần Thị Chén	1	Xóm 11	1960
95	Trần Thị Dung	1	Xóm 11	1947
96	Trịnh Thị Mừng	1	Xóm 11	1950
97	Hoàng Đình Huê	5	Xóm 11	1970
98	Nguyễn Thị Sâm	1	Xóm 11	1950
99	Lê Văn Việt	6	Xóm 11	1990

100	Lưu Văn Hương	3	Xóm Chợ	1982
101	Mai Văn Bình	1	Đông Nội	1955
102	Nguyễn Thị Tuyên	1	Nhà Thờ 1	1955
103	Đặng Văn Định	3	Phúc Thành	1986
104	Vũ Thị Tuyết	2	Phúc Tiến	1954
105	Đỗ Thị Lược	7	Phúc Tiến	1958
106	Lương Thị Sâm	3	Phúc Thuận	1974

Biểu 02**NIÊM YẾT DANH SÁCH HỘ CẬN NGHÈO**

(Kèm theo Thông báo số: 01/TB-BCĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 của BCĐ rà soát hộ nghèo năm 2025 xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên)

TT hộ	Họ và tên chủ hộ và các thành viên trong hộ	Tổng số nhân khẩu	Địa chỉ (xóm)	Năm sinh
1	Cao Thị Hiền	3	An Long	1978
2	Lê Thị Phương	1	An Long	1951
3	Bùi Thị Gái	2	An Long	1949
4	Nguyễn Thị Hải	1	An Long	1963
5	Cao Thị Hòa	2	An Long	1955
6	Đàm Văn Chuyên	4	An Long	1989
7	Hoàng Thị Vụ	3	Cầu Thành 1	1960
8	Nguyễn Thị Nhan	2	Cầu Thành 1	1937
9	Dương Thị Dư	2	Cầu Thành 1	1977
10	Bùi Văn Hệ	5	Cầu Thành 2	1976
11	Nguyễn Đức Công	9	Cầu Thành 2	1965
12	Đỗ Đức Minh	2	Cầu Thành 2	1954
13	Nguyễn Văn Loan	3	Đồng Cả	1956
14	Nguyễn Thanh Hà	4	Đồng Cả	1981
15	Nguyễn Xuân Hòa	1	Đồng Cả	1975
16	Nguyễn Thị Bích	1	Đồng Trũng	2001
17	Phạm Văn Đường	4	Đồng Trũng	1961
18	Nguyễn Thị Lan	4	Đồng Trũng	1958
19	Phạm Văn Hạnh	2	Gò Vầu	1953
20	Lê Quang Viễn	6	Gò Vầu	1964
21	Phan Thị Lễ	1	Gò Vầu	1949
22	Hoàng Thị Hoài	4	Gò Vầu	1992
23	Phạm Thị Là	1	Gò Vầu	1929
24	Nguyễn Văn Huỳnh	4	Hợp Thành	1986
25	Bùi Thị Mây	3	Hợp Thành	1966
26	Nguyễn Thị Ngân	2	Hợp Thành	1973
27	Trần Thị Sáng	2	Hợp Thành	1931
28	Nguyễn Thế Hằng	2	Hợp Thành	1956
29	Trần Văn Trình	5	Hợp Thành	1985
30	Lê Văn Hào	7	Hợp Thành	1984
31	Bùi Văn Tiệp	4	Hợp Thành	1982
32	Đình Sỹ Vinh	9	Phú Thịnh	1955
33	Nguyễn Văn Thảo	4	Phú Thịnh	1983
34	Tăng Thị Hên	5	Phú Thịnh	1959
35	Đình Văn Sôi	2	Bàn Cờ	1952

36	Nguyễn Thị Đượ	6	Bàn Cờ	1951
37	Nguyễn Thị Gái	2	Bàn Cờ	1951
38	Đàm Văn Thanh	2	Bàn Cờ	1951
39	Hoàng Thị Tâm	3	Cầu Thông	1949
40	Lục Thị Hương	3	Cầu Thông	1985
41	Nguyễn Văn Bảo	3	Cầu Thông	1945
42	Vũ Tiến Dũng	3	Cầu Thông	1950
43	Trần Quang Mỹ	5	Chợ 2	1931
44	Nguyễn Thị Vượng	3	Chợ 2	1964
45	Lê Duy Hân	3	Chợ 2	1955
46	Trần Thị Kim Ngân	2	Chợ 2	1987
47	Hoàng Thị Hạnh	4	Xóm Đình	1950
48	Nguyễn Thị Thái	3	Hàm Rồng	1938
49	Nguyễn Thị Hòa	1	Hàm Rồng	1955
50	Nguyễn Thị Xót	2	Hàm Rồng	1942
51	Hoàng Thị Tâm	3	Hàm Rồng	1982
52	Quách Văn Quân	3	Sơn Tập	1980
53	Quách Thị Thành	3	Sơn Tập	1956
54	Đàm Mạnh Lý	8	Sơn Tập	1966
55	Nguyễn Danh Minh	4	Sơn Tập	1967
56	Nguyễn Văn Hưng	1	Sơn Tập	1967
57	Nguyễn Văn Thịnh	2	Sơn Tập	1945
58	Nguyễn Văn Lưu	7	Sơn Tập	1931
59	Nguyễn Thị Thái	1	Sơn Tập	1954
60	Nguyễn Văn Khánh	2	Tân Sơn	1958
61	Hoàng Thị Nguyệt	1	Tân Sơn	1946
62	Đỗ Thị Hòa	2	Tân Sơn	1971
63	Vi Thị Tình	2	Tân Sơn	1971
64	Trịnh Thị Hồng	4	Trung Hòa	1966
65	Nguyễn Văn Tuyên	6	Trung Hòa	1958
66	Trương Thị Kim The	4	Trung Hòa	1959
67	Đặng Đức Nhị	4	Trung Hòa	1984
68	Trần Văn Chung	5	Trung Hòa	1951
69	Hà Thị Lới	6	Trung Hòa	1958
70	Vương Thế Dũng	5	Vân Long	1970
72	Hoàng Thị Thâm	7	Vân Long	1963
73	Nguyễn Thị Luân	3	Vân Long	1984
74	Vũ Thị Chiêu	5	Xuân Đài	1970
75	Nguyễn Trung Thành	4	Xuân Đài	1957
76	Nguyễn Thị Khuyên	2	Xuân Đài	1980
77	Bùi Văn Biên	3	Xuân Đài	1961
78	Phạm Thị Thân	1	Cây Sy	1957
79	Nguyễn Thị Nguyên	4	Cây Sy	1963

80	Phùng Văn Bắc	3	Cây Sy	1979
81	Phùng Văn Hậu	1	Cây Sy	1969
82	Đào Thị Thái	1	Cây Sy	1959
83	Lương Thị Thuỷ	2	Cây Thị	1983
84	Lương Văn Giang	2	Cây Thị	1990
85	Đặng Văn Ngọc	5	Cây Thị	1980
86	Quách Thị Mai	3	Đồng Lạnh	1963
87	Phạm Duy Thái	2	Đồng Lạnh	1978
88	Nguyễn Thị Hiếu	4	Xóm Giữa	1987
89	Nguyễn Thị Tiếp	1	Xóm Giữa	1959
90	Mai Thị Lợi	4	Xóm Giữa	1954
91	Trần Thị Dung	3	Xóm Giữa	1983
92	Đỗ Thị Huệ	1	Bãi Bằng	1983
93	Triệu Quang Luật	1	Bãi Bằng	1981
94	Phan Thị Gái	1	Bãi Bằng	1955
95	Lý Thị Thu Xuân	4	Bãi Bằng	1984
96	Nguyễn Văn Quyết	3	Dốc Đỏ	1991
97	Ngô Thị Thoa	1	Dốc Đỏ	1977
98	Đặng Văn Thiệu	6	Đồng Tiên	1960
99	Bùi Văn Minh	8	Đồng Tiên	1967
100	Bùi Văn Thương	3	Đồng Tiên	1975
101	Vũ Văn Huyền	2	Đồng Tiên	1977
102	Nguyễn Văn Nhân	3	Đồng Tiên	1947
103	Ngô Xuân Trường	5	Đồng Thái	1980
104	Đoàn Thị Vy	2	Đồng Thái	1963
105	Trần Văn Thi	3	Đồng Thái	1981
106	Nguyễn Thị Hương	3	Đồng Thái	1984
107	Đỗ Thị Toàn	2	Đồng Thái	1968
108	Lê Thị Chiến	2	Đồng Thái	1952
109	Lê Thị Xin	1	Đồng Thái	1948
110	Trần Văn Sỹ	3	Đồng Thái	1985
111	Vũ Văn Toàn	2	Góc Mít	1956
112	Đặng Văn Ân	2	Góc Mít	1959
113	Trương Thị My	1	Góc Mít	1952
114	Trần Văn Dự	4	Suối Cái	1959
115	Bùi Văn Thu	8	Suối Cái	1977
116	Trần Văn Thư	2	Suối Cái	1956
117	Phan Văn Thành	8	Suối Cái	1966
118	Lương Thị Trúc	3	Suối Cái	1982
119	Nguyễn Thị Gái	4	Suối Cái	1949
120	Nguyễn Văn Thành	6	Suối Cái	1955
121	Bùi Văn Toàn	3	Tân Lập	1981
122	Đặng Văn Nghệ	4	Tân Lập	1982

123	Bùi Thị Lịch	1	Thái Sơn	1947
124	Đào Ngọc Lan	2	Xóm 1	1954
125	Nguyễn Thị Yêu	4	Xóm 1	1951
126	Nguyễn Gia Lương	3	Xóm 1	1943
127	Đặng Văn Thành	2	Xóm 1	1949
128	Lê Mạnh Cường	4	Xóm 1	1958
129	Trần Thị Nam	3	Xóm 1	1968
130	Lê Thị Nhàng	1	Xóm 1	1948
131	Trịnh Huy Vượng	2	Xóm 1	1952
132	Trịnh Thị Nụ	1	Xóm 1	1949
133	Nguyễn Trọng Tài	4	Xóm 1	1976
134	Trịnh Ngọc Chiến		Xóm 1	1992
135	Đào Thị Sinh	5	Xóm 2	1980
136	Nguyễn Thị Tuyên	5	Xóm 2	1962
137	Ngô Thế Quyết	5	Xóm 2	1990
138	Tạ Văn Hiện	1	Xóm 2	1947
139	Đào Ngọc Thái	2	Xóm 2	1957
140	Văn Thị Xuyên	3	Xóm 2	1972
141	Vũ Thị Thương	1	Xóm 2	1946
142	Ngô Thế Khánh	5	Xóm 2	1968
143	Trần Thị Song	2	Xóm 3	1982
144	Nguyễn Văn Quang	3	Xóm 3	1949
145	Đỗ Duy Ngát	4	Xóm 3	1951
146	Trần Huy Tân	2	Xóm 3	1992
147	Trần Thị Vinh	4	Xóm 3	1979
148	Trần Thị Hồng	3	Xóm 4	1991
149	Trần Văn Thìn	4	Xóm 4	1976
150	Trần Văn Cán	2	Xóm 4	1940
151	Trần Văn Năng	3	Xóm 4	1945
152	Hà Thị Nhẫn	4	Xóm 4	1934
153	Đào Thị Vân	1	Xóm 4	1957
154	Hà Thị Gái	1	Xóm 4	1954
155	Nguyễn Văn Bình	4	Xóm 5	1969
156	Đình Tuấn Anh	2	Xóm 5	1987
157	Lương Thị Liên	1	Xóm 5	1955
158	Trần Văn Ái	1	Xóm 5	1933
159	Phạm Duy Chử	2	Xóm 5	1957
160	Hà Thị Khoát	1	Xóm 5	1961
161	Đình Quang Đức	4	Xóm 5	1985
162	Trần Thị Nhường	3	Xóm 6	1949
163	Trần Thế Yên	5	Xóm 6	1957
164	Ngô Thị Thuận	4	Xóm 6	1953
165	Dương Thị Hằng	3	Xóm 7	1982

166	Trần Cao Cường	4	Xóm 7	1977
167	Trần Quốc Toại	2	Xóm 7	1955
168	Nguyễn Thị Thái	1	Xóm 7	1962
169	Vi Văn Nam	4	Xóm 7	1975
170	Nông Văn Thành	6	Xóm 8	1960
171	Lưu Thị Dẻo	1	Xóm 8	1957
172	Bùi Thị Nhung	3	Xóm 8	1983
173	Hà Đình Cầu	4	Xóm 8	1962
174	Nguyễn Thị Hương	4	Xóm 8	1982
175	Trần Thị Đào	3	Xóm 8	1982
176	Trần Thị Đãi	1	Xóm 8	1938
177	Nguyễn Văn Thịnh	6	Xóm 9	1953
178	Bùi Thị Sợi	6	Xóm 9	1955
179	Nguyễn Văn Thắng	2	Xóm 10	1981
180	Nguyễn Thị Hương	3	Xóm 10	1979
181	Bàng Thị Liễu	4	Xóm 10	1961
182	Nguyễn Đình Truyền	5	Xóm 10	1992
183	Trần Trọng Giang	4	Xóm 10	1978
184	Dương Thị Nghĩa	3	Xóm 10	1982
185	Lê Thị Bì	1	Xóm 10	1957
186	Trần Thị Thê	1	Xóm 10	1947
187	Hà Tiên Tuấn	8	Xóm 11	1987
188	Hà Thị Đước	1	Xóm 11	1954
189	Trần Quang Luyện	5	Xóm 11	1985
190	Trần Quang Trung	3	Xóm 11	1944
191	Đỗ Thị Sen	3	Xóm 11	1978
192	Phạm Thị Tập	1	Xóm 11	1957
193	Đặng Thị Na	2	Xóm Chợ	1952
194	Đoàn Thị Dung	1	Xóm Chợ	1956
195	Đỗ Thị Loan	1	Xóm Chợ	1959
196	Đào Thị Thuyết	2	Xóm Chợ	1956
197	Nguyễn Thị Châm	3	Đông Nội	1974
198	Nguyễn Thị Nguyên	2	Rừng Chùa	1954
199	Nguyễn Văn Dục	2	Rừng Chùa	1956
200	Nguyễn Văn Dũng	4	Rừng Chùa	1977
201	Lê Thị Hoa	1	Phúc Thành	1948
202	Phạm Thị Bình	1	Phúc Thành	1954
203	Trần Thị Chung	1	Phúc Thành	1964
204	Ngô Thị Quả	1	Phúc Thành	1951
205	Nguyễn Văn Toàn	4	Phúc Thành	1990
206	Phạm Ngọc Dũng	1	Phúc Thành	1962
207	Lê Văn Tám	4	Nhà Thờ 1	1957
208	Nguyễn Thị Minh	2	Nhà Thờ 1	1951

209	Nguyễn Thuý Chinh	3	Soi Mít	1982
210	Trịnh Văn Dân	2	Soi Mít	1946
211	Trần Thị Ngân	3	Soi Mít	1983
212	Nguyễn Thị Vinh	2	Phúc Thuận	1962
213	Nguyễn Văn Quý	4	Phúc Tiến	1983
214	Đào Thị Xuân	1	Phúc Tiến	1959
215	Đỗ Thị Sai	1	Phúc Tiến	1956
216	Nguyễn Thị Liên	1	Phúc Tiến	1961
217	Lương Thị Then	1	Phúc Tiến	1953
218	Phùng Đình Phúc	2	Đồi Chè	1951
219	Vi Thị Luyện	1	Đồi Chè	1956
220	Phùng Mạnh Hiệp	4	Đồi Chè	1984
221	Trần Thị Oanh	2	Đồi Chè	1996